

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2021/NĐ - CP
(Nhận hỗ trợ tiền ăn và nhà ở Học Kỳ II năm học 2024-2025)

STT	Họ tên HS	DÂN TỘC	LỚP	Địa chỉ	Hỗ trợ tiền ăn(40%)/tháng	Hỗ trợ tiền nhà ở (10%)/tháng	số tháng	Tổng cộng	Ký nhận	Ghi chú
1	Lưu Việt Chiến	Nùng	10A1	Thôn Tân Phú, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000	234.000	4	4.680.000		
2	Lê Hoàng Gia Lập	Kinh	10A1	Tân Phú, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
3	Bùi Lưu Thế Trường	Mường	10A3	Thôn 10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
4	Trương Thị Tường Vy	Nùng	10A4	Thôn 13, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
5	Mã Thị Ánh Tuyết	Tày	10A6	Thôn 13 Cuôrknia-Buôn Đôn-Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
6	Đinh Quang Vinh	Tày	10A6	Thôn 13 Cuôrknia-Buôn Đôn-Đắk Lắk	936.000	234.000	4	4.680.000		
7	Hoàng Thị Bích Diệp	Nùng	10A6	Thôn 13 Cuôrknia-Buôn Đôn-Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
8	Trương Thị Mỹ Ngọc	Nùng	10A7	Thôn 13, xã cuôrkia, buôn đôn, tỉnh đắk lắk	936.000		4	3.744.000		
9	Vương Thị Thảo Linh	Nùng	10A8	thôn 13 xã cuôrkia, buôn đôn tỉnh đắk lắk	936.000	234.000	4	4.680.000		
10	La Thanh Vĩnh	Nùng	10A10	Thôn 13, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
11	Đinh Tấn Phát	kinh	11B2	Thôn An Phú, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000	234.000	4	4.680.000		
12	Ngân Thảo My	Tày	11B3	Thôn 13, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
13	Đỗ Xuân Mỹ	Hoa	11B3	Thôn Tân Phú, Ea Nuôl, Buôn Đôn,	936.000		4	3.744.000		
14	Sầm Thị Thúy Như	Nùng	11B5	Thôn 13- Cuôrknia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
15	Nông Ngọc Anh Thư	Nùng	11b6	thôn 12,xã tân hoà,huyện buôn đôn,tỉnh đắk lắk	936.000		4	3.744.000		
16	Nông Trường Thành	tày	11b6	thôn 12 xã tân hòa huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	936.000		4	3.744.000		
17	Nông Thị Tâm	Tày	11B8	Thôn 13,Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
18	Vi Thị Hồng Gấm	Nùng	11B8	Thôn 13,Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		

19	Hoàng Anh Tuấn	Nùng	11B8	Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
20	Âu Võ Ngọc Duy	Nùng	12B4	Thôn mthar1A, ca nuôi, Buôn Đôn,	936.000		4	3.744.000		
21	Nông Ngọc Bảo Thy	Tày	12b5	Buôn Eapri - Ea Wer - Buôn Đôn - Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
22	Đinh Thị Thúy Hằng	Mường	12B6	Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
23	La Thanh Duy	Nùng	12B6	Thôn 13, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
24	Hoàng Gia Hưng	Nùng	12B8	Ea Mdhar 1A Ea Nuôi Buôn Đôn Đắk Lắk	936.000		4	3.744.000		
Tổng cộng					22.464.000	936.000	96	93.600.000	-	

KẾ TOÁN

THỦ QUỸ

HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Nhất



SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

DANH SÁCH NHẬN TIỀN HỌC BỔNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT
học kỳ II năm học 2024-2025

STT	Họ Và Tên	Lớp	Số tiền /tháng	số tháng	Tổng cộng	Ký nhận	Ghi chú
3	Ngô Thị Yến Nhi	10A7	1.872.000	5	9.360.000		
5	Nguyễn Thiện Dẫn	10A10	1.872.000	5	9.360.000		
TỔNG CỘNG			3.744.000	10	18.720.000		

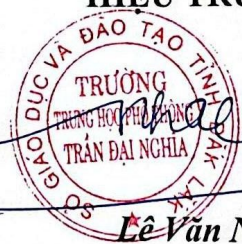
KÊ TOÁN

THỦ QUỸ

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Ngọc Nga

Nguyễn Thị Kim Ngân


Lê Văn Nhất

DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	Họ tên HS	LỚP	HỌ NGHÈO/ CẬN NGHÈO	ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ (Thôn, xã, huyện, tỉnh)	SỐ TIỀN/THÁ NG	SỐ THÁ NG	TỔNG CỘNG	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	Lưu Việt Chiến	10A1	HN	Thôn Tân Phú, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
2	Nguyễn Thành Đạt	10A1		Buôn Kô Dung A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
3	Hoàng Thị Như Diễm	10A1	CN	Thôn 7, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
4	Lương Ngọc Hưng	10A1	HN	Thôn 7, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
5	Nguyễn Gia Huy	10A1		Thôn 6, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
6	Khuất Nguyễn Gia Huy	10A1		Ea Mđhar 1A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
7	Lê Hoàng Gia Lập	10A1		Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
8	Trần Thị Xuân Mai	10A1		Thôn 2, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
9	Ngô Thị Ánh Nguyệt	10A1		Thôn 3, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
10	Trần Ngọc Yến Nhi	10A1	HN	thôn 5, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
11	Bùi Tâm Như	10A1		Thôn 6, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
12	Đặng Thị Kim Oanh	10A1		Thôn 10, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
13	Hoàng Thị Kim Oanh	10A1	HN	Thôn 11, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
14	Trương Tấn Sang	10A1	HN	Thôn 4, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
15	Mai Xuân Tây	10A1		Buôn Jăng Pông, Ea Huar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
16	Lê Hữu Thiện	10A1		Thôn 3, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
17	Lê Thị Ái Vy	10A1		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
18	Nguyễn Tuấn Minh	10A1		Thôn 2, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
19	Nguyễn Phi Anh Vũ	10A1		Thôn Hà Bắc, EaWer, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
20	Hoàng Thị Phương Anh	10A2		Thôn 4- xã Cuôrknia- huyện Buôn Đôn-tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
21	Nguyễn Võ Trọng Đại	10A2		thôn 5 xã Tân Hoà huyện Buôn Đôn Tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
22	Nguyễn Ân Đạt	10A2		Thôn 5, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
23	Nguyễn Hồ Ngọc Duy	10A2		Thôn 11 xã Tân Hoà huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
24	Lê Thị Pháp Hiền	10A2		Thôn 4, xã Cuôrknia, huyện Buôn Đôn tỉnh Đaklak	150.000	5	750.000		
25	Lương Minh Hoàng	10A2	HN	Ea Mard 1A, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

Giáo Dục

26	Vương Thị Thảo My	10A2		Thôn 5, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
27	Nguyễn Đức Nam	10A2		Ea Mđhar 1A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
28	Hà Hải Ngọc	10A2		thôn 12, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
29	Nguyễn Thùy Quỳnh Như	10A2		Thôn 6, xã CuôrKnia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
30	Phạm Long Gia Như	10A2	HN	Thôn 4 Xã Tân Hoà Huyện Buôn Đôn Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
31	Cáp Nguyễn Ny Ny	10A2		Thôn 6, xã Cuôrknia huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
32	Vũ Minh Phương	10A2	HN	An Phú-Ea Nuôl-Buôn Đôn-Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
33	Nguyễn Như Quỳnh	10A2	HN	Thôn 12, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
34	Hoàng Thị Thanh Thảo	10A2	HN	Thôn 8, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
35	Đỗ Trương Gia Thu	10A2		Thôn 2, Xã Tân Hoà, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
36	Trần Đặng Minh Thu	10A2		Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
37	Từ Hữu Tinh	10A2	HN	Thôn 6, Eabar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
38	Tô Triệu Bảo Trân	10A2		Thôn 7, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
39	Đặng Thu Trang	10A2		Thôn 10, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
40	Vương Tổ Trinh	10A2	HN	Thôn sinh mây, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
41	Nguyễn Hồ Thanh Tú	10A2		Thôn 10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
42	Lý Gia Tuấn	10A2		Thôn 5, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
43	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	10A2	HN	thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
44	Trần Trung Việt	10A2	HN	Thôn 10, Eabar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
45	Nguyễn Trần Thảo Vy	10A2		Ea Madhar 1A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
46	Vũ Công Bằng	10A3	HN	thôn 2, Cuôr knia, Bôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
47	Trần Thị Kim Chi	10A3	HN	Thôn 7, EaBar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
48	Hà Chí Công	10A3		số nhà 209, thôn 2, cuôr knia, buôn đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
49	Ngô Nguyễn Hương Giang	10A3		thôn 9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
50	Trần Huy Hoàng	10A3		thôn 4 cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
51	Đàm Khánh Hưng	10A3	HN	Thôn 15, EaBar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
52	Nguyễn Minh Huy	10A3		Thôn An Phú , eanuol, buôn đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
53	Trương Quốc Khánh	10A3	HN	Thôn 4 xã Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
54	Đào Đăng Lộc	10A3		Thôn 4, xã Cuôr KNia, huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
55	Trịnh Quỳnh Như	10A3		thôn An Phú , Xã Enuol , Huyện Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
56	Tạ Hồng Nhung	10A3		thôn Eakning, Cuôr kia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
57	Triệu Phương Minh Quân	10A3		Thôn 5 , Tân Hoà , Buôn Đôn Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

58	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	10A3	HN	thôn9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		GKS
59	Nông Thị Quỳnh Trâm	10A3		Thôn 7, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
60	Bùi Lưu Thế Trường	10A3	CN	Thôn 10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
61	Lê Hoàng Vũ	10A3	HN	Thôn 6, Xã Cuôr knia, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
62	Đoàn Thị Hạ Vy	10A3		Thôn 9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
63	Nguyễn Hoàng Anh	10A4		Thôn 3, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
64	Lương Tam Bảo	10A4	HN	Thôn 11, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
65	Hoàng Quỳnh Chi	10A4		Thôn 8, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
66	Vì Thị Kiều Diễm	10A4		Thôn 10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
67	Vũ Thị Hiền	10A4	CN	Thôn 13, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
68	Nguyễn Huy Hoàng	10A4		Thôn 2, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
69	Nguyễn Thị Ngọc Hương	10A4	CN	Thôn 2, Tân Hoà,, Buôn Đôn, Đắk lắk	150.000	5	750.000		
70	Vũ An Bảo Khánh	10A4		Thôn 4, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
71	Lê Trung Kiên	10A4		Thôn 9, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
72	Vương Tuấn Kiệt	10A4	HN	Thôn Sinh Mây, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
73	Lương Thị Huyền Linh	10A4		Thôn 8, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
74	Hoàng Thị Diệu Linh	10A4	HN	Thôn Eakning Cuorknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
75	Bùi Thị Bích Loan	10A4	HN	Buôn Ea Prí, Ea Wer, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
76	Nông Hoàng Mạnh	10A4		Thôn 11, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
77	Hứa Ngọc Nhi	10A4	HN	Thôn 11, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
78	Hoàng Ngọc Huyền Nhi	10A4	HN	Thôn 3, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
79	Đàm Gia Như	10A4	HN	Thôn 7, Cuôrknia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
80	Đặng Kiều Oanh	10A4		Thôn 2, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
81	Đỗ Vũ Hoàng Phúc	10A4	HN	Thôn 13, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
82	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	10A4		Thôn 1, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
83	Đàm Thị Thanh Thảo	10A4	HN	Thôn 8, Tân Hòa Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
84	Hoàng Thị Quỳnh Trang	10A4	HN	Thôn 7, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk lắk	150.000	5	750.000		
85	Nguyễn Bảo Tú	10A4	HN	Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
86	Phùng Thanh Tú	10A4	HN	Thôn 2, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
87	Trương Thị Tường Vy	10A4	HN	Thôn 13, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
88	Võ Ngọc Như Ý	10A4		Thôn 4, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
89	Hoàng Phi Yến	10A4	HN	Thôn 7, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

90	Bùi Thanh Phúc	10A4		Thôn 16, Eabar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
91	Hoàng Thiên Ân	10A5	HN	Thôn 9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
92	Hà Phương Anh	10A5	HN	Thôn 4, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
93	Trương Thị Mỹ Châu	10A5	CN	Thôn 3, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
94	Nguyễn Việt Dung	10A5	HN	Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
95	Đặng Tiến Hiếu	10A5	HN	Thôn 11, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
96	Nguyễn Thị Kiều Linh	10A5	CN	Thôn 1, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
97	Mai Vũ Khánh Ly	10A5	HN	Thôn 10, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
98	Sim Thiên Mạnh	10A5	HN	Thôn 7, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
99	Nguyễn Hoàng Bảo Nam	10A5		Thôn 6, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
100	Hoàng Trọng Nghĩa	10A5		Thôn 7, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
101	Lục Thị Quỳnh Như	10A5	HN	Thôn 8, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
102	Mã Minh Phi	10A5		Thôn 11, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
103	Bế Trường Quân	10A5	HN	Thôn 7, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
104	Bùi Thị Như Quỳnh	10A5		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
105	Bùi Như Quỳnh	10A5	HN	Thôn 7, Ea Bar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
106	Sầm Thị Thu Sương	10A5	HN	Thôn Sinh Mây, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
107	Lê Quốc Thiên	10A5	HN	Thôn 10, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
108	Lục Hồng Thịnh	10A5		Thôn 12, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
109	Vy Minh Thức	10A5	HN	Thôn 3, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
110	Chu Bảo Thy Niê	10A5	HN	Thôn 9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
111	Mai Trang	10A5	HN	Thôn 8, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
112	Hoàng Thị Tường Vy	10A5		Thôn 7, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
113	Hoàng Thị Bích Diệp	10A6	HN	Thôn 13 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
114	Bùi Quốc Doanh	10A6		Thôn 07 Eabar-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
115	Ngô Hương Giang	10A6	CN	Thôn 09 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
116	Trương Hồng Hà	10A6		Thôn 05 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
117	Triệu Văn Kiều	10A6		Thôn 01 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
118	Lý Thủy Hà Linh	10A6	CN	Thôn 2, Tân Hoà-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
119	Huỳnh Thái Lộc	10A6		Thôn 05 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
120	Ngô Vũ Huyền My	10A6	HN	Thôn 09 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		
121	Nguyễn Thị Ngân	10A6	HN	Thôn 03 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐắkLắk	150.000	5	750.000		

122	Bàn Thị Nhậ	10A6	HN	Thôn 01 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
123	Trần Xuân Nhi	10A6		Thôn 05 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
124	Nông Duy Phương	10A6	HN	Thôn 01 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
125	Nguyễn Tuệ Tâm	10A6	HN	Thôn tân phú -Eanuôl--Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
126	Trịnh Thị Kim Thoa	10A6	HN	Thôn 07 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
127	Võ Lê Anh Thư	10A6		Thôn 11 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
128	Hà Thị Thu Thủy	10A6	HN	Thôn 11 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
129	Đàm Văn Thuyền	10A6		Thôn 12 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
130	Phạm Ngọc Thu Trà	10A6		Thôn 6 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
131	Nguyễn Thị Mỹ Trung	10A6		Thôn an phú -Eanuôl--Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
132	Nguyễn Quang Tùng	10A6	HN	Thôn EaMđhar3 xã Ea Nuôl-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
133	Triệu Thị Ánh Tuyết	10A6	HN	Thôn 02 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
134	Mã Thị Ánh Tuyết	10A6	HN	Thôn 13 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
135	Đinh Quang Vinh	10A6		Thôn 13 Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
136	Nguyễn Minh Vương	10A6		Thôn 10 Tân Hòa-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
137	Tô Thị Kim Yến	10A6	HN	Thôn Eakning Cuôrknia-Buôn Đôn-ĐăkLăk	150.000	5	750.000		
138	Nông Thị Hoa Đào	10A7	HN	Thôn 7 ,Cuôrknia,Buôn Đôn, Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
139	Lê Thị Thanh Đức	10A7		thôn eakning xã cuôrknia Buôn Đôn Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
140	Bùi Thị Hồng Hà	10A7	HN	thôn 9 Tân Hòa, Buôn Đôn, Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
141	Nông Việt Hùng	10A7		Thôn 11,xã cuôrknia,huyện buôn đôn,đăk lăk	150.000	5	750.000		
142	Dương Thị Thu Hương	10A7	HN	thôn 5, tân hoà, buôn đôn, đăk lăk	150.000	5	750.000		
143	Lý Bảo Lâm	10A7	HN	thôn 3,tân hoà ,buôn đôn ,đăk lăk	150.000	5	750.000		
144	Hoàng Diệu Linh	10A7	HN	thôn Sinh Mây,cuôrknia,Buôn Đôn,Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
145	Vi Hoàng Minh	10A7	HN	thôn 5 Tân Hoà Buôn Đôn Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
146	Phan Thị Thúy Ngân	10A7	HN	thôn 11, Eabar, Buôn Đôn, Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
147	Nguyễn Bích Ngọc	10A7		thôn 10, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
148	Trương Thị Mỹ Ngọc	10A7		Thôn 13, xã cuôrkia, huyện buôn đôn, tỉnh đăk lăk	150.000	5	750.000		
149	Lý Thị Kiều Sao	10A7		Thôn 2, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
150	Chu Thị Huyền Thương	10A7	HN	Thôn 10 xã Tân Hoà huyện Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
151	Phan Nguyễn Huyền Trâm	10A7	HN	Thôn An Phú, xã Eanuol, huyện Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
152	Trương Nhĩ Tường	10A7	CN	thôn 1,xã Tân Hoà,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đăk Lăk	150.000	5	750.000		
153	Trương Thị Ánh Tuyết	10A7	CN	Thôn 1, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk	150.000	5	750.000		

154	Lăng Hùng Vĩ	10A7	CN	thôn 7,xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
155	Nguyễn Thị Như Ý	10A7	HN	thôn 4 ,xã Cuôr Knia huyện Buôn Đôn Đắk Lak	150.000	5	750.000		
156	Nguyễn Lâm Anh	10A8		Thôn 14- Xã Tân Hoà- Huyện Buôn Đôn-Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
157	Lê Thọ Thiện Anh	10A8	HN	Thôn 1-Xã Tân Hoà-Huyện Buôn Đôn-Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
158	Đoàn Quang Cường	10A8	HN	Thôn 1. Xã Tân Hoà. Huyện Buôn Đôn .Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
159	Đặng Thị Kiều Diễm	10A8	HN	Thôn8, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
160	Lê Quốc Dũng	10A8	HN	Thôn 11, xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
161	Lương Đình Khiêm	10A8	CN	thôn 7, xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
162	Phạm Tuấn Kiệt	10A8	HN	Thôn 4, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
163	Hoàng Thị Mỹ Liên	10A8	CN	Thôn 3 , xã Cuôr Knia , huyện Bôn Đôn , Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
164	Hoàng Nhật Linh	10A8		Thôn Sinh Mây, xã Cuôrknia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
165	Vương Thị Thảo Linh	10A8	HN	thôn 13 xã cuôr knia huyện buôn đôn tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
166	Võ Thành Lợi	10A8	HN	thôn 2 xã cuôr knia Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
167	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	10A8		thôn 2, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
168	Vương Thị Hà My	10A8	HN	Thôn Sinh Mây,xã Cuôr knia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
169	Triệu Văn Nguyên	10A8	HN	thôn 2, xã tân hòa ,huyện buôn đôn ,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
170	Lê Tài Thiện Nhân	10A8	HN	thôn 10, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
171	Phạm Xuân Phước	10A8		thôn 6 xã CuorKnia, huyện buôn đôn, tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
172	Lương Thị Hương Quỳnh	10A8	HN	thôn 8 xã cuorknia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
173	Lục Anh Sơn	10A8		thôn 8,xã Tân Hoà,huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
174	Sầm Quốc Thiện	10A8	HN	Thôn Eakning,xã Cuôrknia,huyện buôn đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
175	Trần Thanh Thiện	10A8		thôn 4, xã cuôr knia, huyện buôn đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
176	Lục Quang Tiệp	10A8		thôn 12, xã cuôr knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
177	Võ Ngọc Bảo Trân	10A8	CN	Thôn 2 Cuor knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
178	Nguyễn Thị Minh Ánh	10A9		thôn tân phú,xã ea nuôl, huyện buôn đôn,tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
179	Trịnh Hoài Đức	10A9		Thôn 2 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
180	Võ Thanh Kiều	10A9	CN	thôn 2, xã cuôr knia huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
181	Vương Thùy Mai Linh	10A9	HN	thôn eakning xã Cuôr Knia huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
182	Hoàng Tuyết Minh	10A9	HN	Thôn 4,xã Tân Hòa,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
183	Văn Cảnh Diễm My	10A9		Thôn 6, Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
184	Lý Hoài Nam	10A9	HN	thôn 1, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
185	Ngô Văn Nghĩa	10A9	HN	thôn 5 xã tân hoà huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

186	Dương Yến Nhi	10A9	HN	Thôn 17b, EaBar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
187	Hoàng Ngọc Yến Nhi	10A9	HN	Thôn 11, xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
188	Trần Lê Phi Quân	10A9		Thôn 4 xã Cuôr Kina Huyện Buôn Đôn Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
189	Võ Vinh Quang	10A9	HN	Thôn 15, xã EaBar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
190	Trần Hồ Định Thi	10A9	HN	Ea Mđhar 1A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
191	Hứa Văn Tính	10A9	HN	Thôn 12 xã cuôrknia huyện Buôn Đôn Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
192	Trần Khánh Trân	10A9	HN	Thôn An Phú, Eanuol, Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
193	Hoàng Quốc Tuấn	10A9		Thôn 5, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
194	Nguyễn Văn Tuấn	10A9	CN	thôn 5 xã cuôr kina huyện buôn đôn tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
195	Hoàng Thanh Tùng	10A9		thôn 4 Xã tân hòa huyện buôn đôn tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
196	Trần Công Tuyên	10A9		thôn 3 xã cuôr knia huyện buôn đôn tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
197	Bùi Thị Thanh Tuyết	10A9		Thôn 10 xã tân hòa huyện buôn đôn tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
198	Phan Hữu Đức Anh	10A10		Thôn An Phú, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
199	Phạm Hoàng Minh Châu	10A10		Thôn An Phú, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
200	Nguyễn Thành Đạt	10A10		Thôn 2, Xã Cuôr knia, huyện Bôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
201	Đàm Bích Hân	10A10	HN	Thôn 7, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
202	Sầm Thái Huy	10A10		Thôn EaKing, Cuor Knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
203	Hoàng Nguyễn Ngọc Khánh	10A10	CN	Thôn 1, Cuor knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
204	Lương Ngọc Khoa	10A10	HN	Thôn 8, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
205	Đàm Thị Thùy Linh	10A10		thôn 7, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
206	Hà Tuấn Nam	10A10		Thôn 11, xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
207	Lục Thị Huyền Nhung	10A10		Thôn 8, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
208	Triệu Thị Kim Oanh	10A10	HN	Thôn 11, xã EaBar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
209	Lê Thị Thùy Phương	10A10	HN	Thôn 6, xã EaBar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
210	Hoàng Nguyễn Bảo Thiên	10A10	HN	Thôn 3 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
211	Lê Quang Thiện	10A10		Thôn 2 xã Tân hòa, huyện Buôn đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
212	Triệu Quốc Toàn	10A10		Thôn 2 xã Tân Hòa huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
213	H' Truk Kbuôr	10A10	HN	Buôn Knia 3, xã EaBar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
214	Hoàng Thị Thanh Trúc	10A10	HN	Thôn 8, xã Cuôr knia, Huyện Bôn Đôn, Tỉnh đắk Lắk	150.000	5	750.000		
215	La Thanh Vĩnh	10A10	HN	Thôn 13, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
216	Võ Thị Tường Vy	10A10	HN	Thôn 2, xã Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
217	Nguyễn Ngọc Bảo	11B1		Thôn 3- Xã Cuôr Knia- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

218	Hứa Dương Hồng Diễm	11B1		Thôn Sinh Mây, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
219	Đào Ngọc Dung	11B1		Thôn 9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
220	Lê Yến Duyên	11B1		Thôn 10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
221	Phạm Thị Hải Dương	11B1		Thôn 6, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
222	Nguyễn Mạnh Khoa Đức	11B1		Thôn An Phú, Ea Nuôi, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
223	Lại Minh Hiếu	11B1		Thôn Eakning, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
224	Bùi Quang Huy	11B1		Thôn 3 - Xã Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
225	Mai Quang Khải	11B1		Thôn 8- Xã Tân Hoà- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
226	Nguyễn Gia Khang	11B1	HN	Thôn 6 - Xã Ea Bar - Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
227	Nguyễn Đình Đức Khánh	11B1		Thôn 10- Xã Tân Hoà- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
228	Huỳnh Thị Mỹ Kiều	11B1		Thôn 2 - Xã Tân Hoà- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
229	Bùi Quang Minh	11B1		Thôn 10 - Xã Tân Hoà - Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
230	Vũ Thảo My	11B1		Thôn 4- Xã Tân Hoà-- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
231	Trương Thị Ry Na	11B1		Thôn 9- Xã Tân Hòa - Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
232	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	11B1		Thôn An Phú, Ea Nuôi, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
233	Phạm Thị Nhi	11B1		Thôn 3 - Xã Cuôr Knia - Huyện Buôn Đôn - Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
234	Lý Hoàng Trung Phong	11B1		Thôn 10- Xã Tân Hoà- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
235	Phạm Thị Thanh Tâm	11B1		Thôn 2- Xã Tân Hòa- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
236	Lương Nguyễn Bảo Trâm	11B1	HN	Thôn 1- Xã Cuôr Kina- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
237	Phan Anh Tuấn	11B1		Thôn 4- Xã Cuôr Knia- Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
238	Nguyễn Ngọc Xanh	11B1	HN	Thôn 7 - Xã Tân Hòa - Huyện Buôn Đôn - Tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
239	Trần Thị Tú Uyên	11B2	HN	thôn 4 xã cuôrknia huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
240	Châu Minh Cường	11B2	CN	Thôn 4, xã Cuor Knia, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
241	Nguyễn Trí Dũng	11B2		Thôn 4 xã Cuôrknia Buôn Đôn ĐắkLak	150.000	5	750.000		
242	Hứa Trung Đông	11B2	CN	Thôn 8, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
243	Nguyễn Hồ Hương Giang	11B2		thôn 5 xã cuorknia huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
244	Trần Kim Giang	11B2		thôn 9, tân hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
245	Phạm Hoàng Hải	11B2	HN	thôn10 xã Eabar huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
246	Nông Thị Quỳnh Hương	11B2	CN	thôn 7, xã cuorknia, huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
247	Trần Quốc Lập	11B2	HN	Thôn 4, xã Cuor Knia, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
248	Châu Thị Mỹ Linh	11B2		thôn 3 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
249	Lê Đỗ Thùy Linh	11B2		Thôn 4, xã Cuor Knia, Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

250	Bùi Thủy Ngân	11B2	CN	Thôn 5,xã Cuôrknia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
251	Hoàng Thị Ngọc	11B2		Thôn earming,Cuôrknia, Buôn đôn, Đắk Lak	150.000	5	750.000		
252	Đinh Tấn Phát	11B2	HN	Thôn An Phú,EaNuôl,Buôn Đôn,Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
253	Cáp Như Quỳnh	11B2		Thôn 6 xã Cuôrknia , huyện Buôn Đôn , tỉnh ĐắkLak	150.000	5	750.000		
254	Nguyễn Ngọc Tổ Trinh	11B2		Thôn 4 xã Cuôrknia , huyện Buôn Đôn , tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
255	Nguyễn Thị Linh Chi	11B2		Thôn eakning, Cuorknia , Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
256	Liêu Vi Khánh Đoàn	11B2	HN	Thôn eakning, Cuorknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
257	Phan Nhật Minh	11B2		thôn 4, kuorknia, buôn đôn, daklak	150.000	5	750.000		
258	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	11B2		Thôn 6, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
259	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	11B2		Thôn 3, cuôrKnia, buôn đôn, đắk lắk	150.000	5	750.000		
260	Võ Nguyên Bảo Yến	11B2	HN	thôn 1, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
261	Ngô Ngọc Anh	11B3		Thôn 3,xã cuorknia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
262	Tạ Kiều Ngọc Anh	11B3		Thôn 5,xã Cuôrknia, huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
263	Phạm Thị Thanh Bình	11B3	HN	Thôn 4 xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
264	Trần Tiến Dũng	11B3	CN	Thôn 1 Tân Hòa,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
265	Nguyễn Lệ Hằng	11B3		Thôn 4, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
266	Vũ Đình Bảo Huy	11B3	HN	Thôn 1, Cuorknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
267	Nông Thủy Kiều	11B3	CN	thôn 7,xã cuôrknia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
268	Lưu Thị Huyền Linh	11B3	HN	thôn 6, xã tân hòa , huyện buôn đôn , tỉnh đắk lak	150.000	5	750.000		
269	Ngân Thảo My	11B3		Thôn 13, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
270	Nông Thị Trà My	11B3	HN	Thôn 12, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
271	Đỗ Xuân Mỹ	11B3		Thôn Tân Phú, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
272	Mai Thanh Nhân	11B3	HN	Thôn 5, Cuorknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
273	Nông Thị Như	11B3	HN	Thôn 12,Cuorknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
274	Đàm Thị Tuyết Như	11B3	HN	thôn 15, xã eabar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
275	Lê Thị Kiều Oanh	11B3	CN	Thôn 5,xã Cuorknia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
276	Trần Lê Nhật Quỳnh	11B3		Thôn 4, xã CuôrKnia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
277	Lê Ngọc Sang	11B3	CN	Thôn 9 xã Tân Hòa huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
278	Hoàng Thị Thanh Thanh	11B3	CN	Thôn 12,xã cuorknia, huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
279	Trần Văn Thanh	11B3	CN	Thôn 4, xã CuôrKnia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
280	Phan Phi Thành	11B3		Thôn eakning,xã cuorknia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
281	Nguyễn Thùy Tường Vân	11B3	HN	thôn 1, xã cuôr knia, huyện buôn đôn, tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		

282	Triệu Thị Xuân	11B3		thôn 1 xã cuor knia huyện buôn đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
283	Triệu Thị Côi	11B4	HN	Thôn 1,xã cuorknia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
284	Đinh Nguyễn Bích Hà	11B4		Thôn tân phú, xã Eanuol,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
285	Võ Văn Hòa	11B4		Thôn 6 , xã cuorknia , huyện buôn đôn , tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
286	Đinh Nguyễn Xuân Hoàng	11B4		Thôn tân phú, xã Eanuol,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
287	Nguyễn Thị Phong Lan	11B4	HN	thôn 1,Tân Hoà,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
288	Trương Thị Hồng My	11B4	CN	Thôn 3, xã cuorknia, huyện buôn đôn, tỉnh Đak Lak	150.000	5	750.000		
289	Lê Thành Nhân	11B4		thôn 4, huyện bôn đôn , xã cuor knia , tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
290	Nguyễn Hoàng Minh Phương	11B4	CN	thôn 6,xã cuorknia,tỉnh đắklắk	150.000	5	750.000		
291	Lê Thùy Như Quỳnh	11B4		thôn 10,xã Tân Hoà,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
292	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	11B4	HN	thôn 7 xã Eabar huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
293	Vũ Trần Anh Thư	11B4		Buôn Emtha 1A,EaNuol, Buôn Đôn,ĐakLak	150.000	5	750.000		
294	Nguyễn Quốc Toàn	11B4		Thôn 1,Xã Cuor Knia, Buôn Đôn,Đak Lắk	150.000	5	750.000		
295	Trần Anh Kiệt	11B5		Thôn 6 - Cuor Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
296	Cao Thành An	11B5	CN	Thôn 4 -Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
297	Hồ Thị Hồng Nhung	11B5	HN	Thôn 18- Eabar - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
298	Nông Quốc Toàn	11B5	CN	Thôn 8- Cuor KNia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
299	Lê Thanh An	11B5	HN	Thôn 3-Cuor Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
300	Y' Do - Hmok	11B5	HN	Buôn Knia 2- Eabar - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
301	Trần Thị Hồng Duyên	11B5	HN	Thôn 5- Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
302	Lý Thị Hương Giang	11B5		Thôn 7 -T ân hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
303	Vi Tuấn Hà	11B5	HN	Thôn 10 - Tân Hòa- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
304	Phạm Thị Xuân Hạnh	11B5		Thôn 5- Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
305	Văn Nhật Huy	11B5		Thôn 3- Cuor knia- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
306	Lương Quốc Khánh	11B5	HN	Thôn 5 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
307	Bùi Đăng Khoa	11B5		Thôn 9- Tân Hòa- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
308	Hoàng Kim Liên	11B5	CN	Thôn 10 - Cuor knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
309	Nguyễn Thị Kim Nga	11B5	CN	Thôn 8 - Cuor KNia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
310	Hoàng Thanh Nga	11B5	HN	Thôn 5 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
311	Ngô Thị Thảo Nhi	11B5		Thôn An Phú- Enuol - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
312	La Thị Yến Nhi	11B5	CN	Thôn 12 - Cuor knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
313	Sầm Thị Yến Nhi	11B5	HN	Thôn 10 - Cuor knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

314	Sầm Thị Thủy Như	11B5	HN	Thôn 13- Cuôrknia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
315	Lương Thị Tổ Như	11B5	HN	Thôn 8 -Cuôrknia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
316	Hoàng Tiến Sỹ	11B5	HN	Thôn 1 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
317	Cao Thanh Thy	11B5		Thôn 5 - Eabar- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
318	Hoàng Ngọc Giáp	11B5		Thôn 1 - Cuôrknia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
319	Mai Hồng Phát	11B5	CN	Thôn 4- Cuôrknia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
320	Hoàng Thị Minh Anh	11B6		Buôn Ka Đung A, ea nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
321	Lê Hà Tuấn Anh	11B6	HN	thôn 1 xã cuôrknia huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
322	Hoàng Ngọc Bảo Châm	11B6		Thôn 10, xã Tân hòa , huyện buôn đôn , tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
323	Thên Lê Thành Đạt	11B6	HN	thôn 3, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
324	Võ Văn Tiến Đạt	11B6		thôn 4,xã Cuôrknia,huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
325	Chu Thị Hương Giang	11B6	CN	thôn 1,xã Cuôrknia huyện Buôn Đôn Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
326	Mông Văn Hạ	11B6	HN	thôn Ea kning xã cuôrknia huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
327	Hoàng Thị Quỳnh Hoa	11B6		thôn 4,xã Cuôrknia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
328	Trần Huy Hoàng	11B6		thôn 15 xã eabar huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
329	Nông Quốc Hội	11B6	HN	thôn 1 xã cuôrknia huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
330	Đoàn Quốc Huy	11B6		thôn 11 xã cuôrknia huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
331	Hà Thị Lệ Kiều	11B6	HN	thôn 4, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
332	Hứa Minh Nguyệt	11B6	HN	thôn 5- xã Tân Hoà- huyện Buôn Đôn- tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
333	Vương Thị Phương Oanh	11B6	HN	thôn 17b xã eabar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
334	Nguyễn Thị Như Quỳnh	11B6	HN	thôn5, xã cuôrknia, huyện buôn đôn, tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
335	Nguyễn Chí Tài	11B6		thôn 6 , xã cuôrknia , huyện buôn đôn , tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
336	Triệu Anh Thư	11B6		Thôn 2 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
337	Nông Ngọc Anh Thư	11B6		thôn 12,xã tân hoà,huyện buôn đôn,tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
338	Lê Đức Trí	11B6	HN	thôn 3 xã cuôrknia huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
339	Hoàng Thị Kiều Trinh	11B6	HN	Thôn sinh mây,cuorknia, buôn đôn, đắk lắk	150.000	5	750.000		
340	Nguyễn Văn Cát Tường	11B6		thôn 6, cuôrknia, buôn đôn, Dak Lak	150.000	5	750.000		
341	Nông Minh Vũ	11B6		Thôn 7 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
342	Lưu Thị Lệ Giang	11B6	CN	thôn 5, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
343	Nông Trường Thành	11B6		thôn 12, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
344	Lục Phương Anh	11B7	HN	Thôn 8 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
345	Mai Thị Ngọc Ánh	11B7		Thôn 5 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

346	Nguyễn Thị Trân Châu	11B7		Thôn 5 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
347	Trần Thị Thanh Diệp	11B7		Thôn Eakning - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
348	Trịnh Minh Đức	11B7		Thôn 4 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk - Lắk	150.000	5	750.000		
349	Vũ Thanh Hằng	11B7	HN	Thôn 10 - Eabar - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
350	Hoàng Hữu Hiệp	11B7	HN	Thôn 5 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
351	Bùi Việt Hoàng	11B7	CN	Thôn 9 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
352	Nguyễn Mai Linh	11B7	HN	Thôn 16A - Eabar - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
353	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	11B7		Ea Mđhar 1A - Ea Nuôl - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
354	Lê Minh Nguyên	11B7		Thôn 11 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
355	Đàm Bích Nhi	11B7	HN	Thôn 7 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
356	Võ Hồ Trúc Quỳnh	11B7	HN	Thôn 3 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
357	Nguyễn Đức Thời	11B7	HN	Thôn 5 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
358	Nông Quốc Toàn	11B7	HN	Thôn12 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
359	Nguyễn Ngọc Trinh	11B7		Thôn 4 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
360	Bùi Ngọc Như Ý	11B7	HN	Thôn 10 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
361	Đinh Lê Hải Yến	11B7	HN	Thôn 15 - Eabar - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
362	Sầm Thanh Vũ	11B7	HN	Thôn Sinh Mây - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
363	Ngô Tuấn Anh	11B7		Thôn 4 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
364	Phạm Đức Duy	11B7		Thôn 6 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
365	Cao Phan Hải Đăng	11B7		Thôn 6 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
366	Hà Phi Hùng	11B7	HN	Thôn 3 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
367	Trần Nguyễn Thế Khải	11B7	HN	Thôn 9 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
368	Sầm Thị Tinh Nhi	11B7	HN	Thôn 11 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
369	Nguyễn Đức Phát	11B7	CN	Thôn 6 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
370	Triệu Quang Vinh	11B7	CN	Thôn 11 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
371	Đoàn Trung Kiên	11B7	HN	Thôn 1 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
372	Sầm Quốc Biên	11B8		Thôn 10,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
373	Triệu Khánh Duy	11B8		Thôn 11,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
374	Vi Thị Hồng Gấm	11B8	CN	Thôn 13,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
375	Vương Thị Hạnh	11B8	HN	Thôn 10,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
376	Phạm Đức Hiền	11B8		Thôn 2,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
377	Triệu Văn Hiệp	11B8		Thôn 8,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

378	Lương Ngọc Khanh	11B8	HN	Thôn 8, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
379	Bế Quốc Khánh	11B8		Thôn 12,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
380	Đào Đăng Khoa	11B8		Thôn Tân Phú, EaNuol, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
381	Mai Thùy Linh	11B8	HN	Thôn 10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
382	Lê Minh Lợi	11B8	HN	Thôn 6,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
383	Trần Lê Thảo My	11B8		Thôn 8, Eabar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
384	Lương Minh Nghĩa	11B8		Thôn 9,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
385	Trương Thị Yến Nhi	11B8		Thôn 4, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
386	Bàn Thị Yến Nhi	11B8		Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
387	La Chí Tài	11B8	CN	Thôn 12, CuôrKina, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
388	Võ Duy Tâm	11B8		Thôn 5,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
389	Nông Thị Tâm	11B8	HN	Thôn 13,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
390	Sầm Văn Thành	11B8		Thôn EaKning,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
391	Lục Thị Thanh Thu	11B8	HN	Thôn 7, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
392	Nguyễn Văn Tịnh	11B8		Thôn 9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
393	Hoàng Ngọc Tú	11B8	HN	Thôn Sinh Mây,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
394	Hoàng Anh Tuấn	11B8	HN	Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
395	Sầm Quang Vinh	11B8	HN	Thôn Sinh Mây,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
396	Luân Xuân Vũ	11B8	HN	Thôn 11,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
397	Sầm Thị Thu Lệ	11B8	HN	HN Thôn 11, Eabar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
398	Hoàng Thị My	11B8	HN	HN Thôn 17B, Eabar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
399	Hoàng Thị Nhi	11B8		Thôn 12,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
400	Nông Hồng Đức	11B8		Thôn 12,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
401	Bàn Thị Thu Thủy	11B8		Thôn 7, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
402	Nguyễn Đức Trọng	11B8	HN	Thôn 2,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
403	Hoàng Triệu Minh	11B8	HN	Thôn EaKning,Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
404	Nguyễn Tuấn Anh	12B1		Thôn 6, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
405	Nguyễn Quỳnh Anh	12B1		Thôn 4, Tân Hòa, Buôn Đôn, DakLak	150.000	5	750.000		
406	Nguyễn Lê Đăng Hào	12B1		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
407	Trần Thị Bảo Hoà	12B1		Thôn 3, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
408	Nguyễn Khải Hoàn	12B1	HN	thôn 9 , Tân hoà, Buôn đôn ,Đắk lắk	150.000	5	750.000		
409	Trần Thị Thu Hương	12B1		Thôn 10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

410	Phùng Thị Thu Hương	12B1		Thôn 4 , Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
411	Mai Khánh Linh	12B1		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
412	Vương Thị Xuân Mai	12B1	CN	Thôn 7, Cuôr knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
413	Nông Thị Tuyết Nga	12B1	HN	Thôn 8, Xã Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
414	Lê Yến Nhẫn	12B1	CN	Thôn 9, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
415	Hồ Hữu Phú	12B1	HN	thôn 6, Tân Hòa, Buôn Đôn, đắk lắk	150.000	5	750.000		
416	Vũ Anh Quân	12B1	HN	Thôn4. Tân hoà. Buôn đôn . Daklak	150.000	5	750.000		
417	Đinh Thị Tuyết Quyên	12B1	CN	Thôn1, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
418	Nguyễn Trần Hoàng Quyên	12B1		Thôn 10,Tân Hòa,Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
419	Nguyễn Hoàng Sơn	12B1		Thôn10,Tân Hoà, Buôn Đôn, Daklak	150.000	5	750.000		
420	Hoàng Minh Sơn	12B1		Thôn 1 , Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk lắk	150.000	5	750.000		
421	Lê Quang Thánh	12B1		Thôn 2 , Tân Hoà , Buôn Đôn , Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
422	Cáp Nguyễn Minh Thư	12B1		Thôn 6, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
423	Lâm Việt Tiến	12B1		Thôn 8 Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
424	Hoàng Thị Ánh Tuyết	12B1	CN	Thôn 7,Cuôr Knia,Buôn Đôn,Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
425	Nguyễn Quỳnh Phương Uyên	12B1	HN	Thôn 5, eabar ,buôn đôn ,đắk lắk.	150.000	5	750.000		
426	Vũ Tú Uyên	12B1		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
427	Trần Ngọc Tường Vy	12B1		Thôn Tân Phú, EaNuol, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
428	Nguyễn Thành Đạt	12B1		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
429	Hồ Vĩnh Nguyên	12B1		Thôn 2, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
430	Phạm Ngọc Kiều Trang	12B1		Thôn 3, xã cuôrknia, buôn đôn, đắk lắk	150.000	5.	750.000		
431	Đỗ Phú Thành Nhân	12B1		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
432	Sầm Ngô Kiều Trinh	12B1		Thôn 8 , Tân Hoà , Buôn Đôn , Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
433	Trương Thị Bích Hà	12B2	HN	HN 5, EaBar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
434	Trần Văn Hậu	12B2	HN	10 Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
435	Ngô Anh Hoàng	12B2	HN	7, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
436	Trương Huy Hoàng	12B2	HN	4, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
437	Bùi Thị Bảo Ngọc	12B2	HN	9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
438	Nguyễn Thanh Phong	12B2		10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
439	Lê Hoàng Thiên Phú	12B2	HN	10, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
440	Nguyễn Hữu Tài	12B2		Ea Mđhar II, Ea Nuol, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
441	Nguyễn Duy Thông	12B2	CN	7, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

442	Nguyễn Công Thương	12B2	HN	2, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
443	Võ Đoàn Kiều Vy	12B2	HN	5, Cuorknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
444	Nguyễn Trần Đại Anh	12B3	CN	Thôn 6, cuorknia, Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
445	Phạm Quốc Bảo	12B3		Thôn4, Cuorknia, Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
446	Nông Thị Sao Băng	12B3	HN	Thôn 12, CuorKNia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
447	Triệu Thị Thu Hiền	12B3		Thôn 1, xã cuorknia, Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
448	Võ Thị Ánh Hòa	12B3	HN	Thôn 18B, xã Eabar, Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
449	Vũ Thu Hợi	12B3		Thôn 4, xã Tân Hòa, Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
450	Phan Thị Bích Lê	12B3		Thôn 5, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
451	Bế Thị Nhật Lệ	12B3	HN	Thôn 7, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
452	Phan Lê Trúc Linh	12B3		Thôn Ea Mđhar 2, Ea Nuôi, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
453	Sầm Thị Việt Linh	12B3		thôn EaKning, xã Cuorknia, huyện Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
454	Bùi Nguyễn Duy Nghĩa	12b3		thôn 6 xã cuorknia, huyện buôn đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
455	Mã Thị Kiều Oanh	12B3	HN	thôn7,xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
456	Vi Minh Phương	12b3	HN	thôn 9 xã tân hòa huyện buôn đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
457	Đỗ Vũ Phương Quyên	12B3	CN	thôn 1, xã cuorknia, huyện buôn đôn	150.000	5	750.000		
458	Hồ Hoàng Minh Thiện	12b3		thôn 1 xa cuor knia huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
459	Nguyễn Ngọc Thiện	12b3		thôn 4 xa cuor knia huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
460	Lê Văn Việt	12B3		Thôn 4,cuorknia,Buôn đôn	150.000	5	750.000		
461	Cam Đặng Gia Bảo	12b3	CN	thôn 1,xã Tân Hoà , Huyện Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
462	Lê Thọ Hoàng Anh	12B4	HN	thôn 1.Tân Hoà.Buôn Đuôn.Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
463	Hứa Thành Dân	12B4	không	xã cuor knia, huyện Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
464	Âu Võ Ngọc Duy	12B4	HN	Thôn mthar1A, ea nuôi, Buôn Đôn,Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
465	Nguyễn Thành Đạt	12B4	HN	Thôn 1 - Tân Hoà - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
466	Thái Vĩnh Hiệp	12B4	HN	thôn 16A xã eabar huyện buôn đôn	150.000	5	750.000		
467	Hà Thị Ngọc Huyền	12B4		Thôn 1, Cuor Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
468	Hoàng Kiều Linh	12B4	HN	Thôn 1, xã Cuor Knia,Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
469	Nguyễn Gia Lâm	12B4	HN	Thôn 4, xã cuor knia, buôn đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
470	Vương Thị Minh	12B4	HN	Thôn 10, xã Cuor Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
471	Dương Hoàng Nguyên	12B4	HN	thôn 12, xã cuorknia, buôn đôn, dak lak	150.000	5	750.000		
472	Nguyễn Thị Yến Nhi	12B4	HN	Thôn 4, xã cuor knia, buôn đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
473	Lùng Đức Thiện	12B4	HN	Thôn 4, xã cuor knia, buôn đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

474	Lê Quang Thịnh	12B4		Thôn 1 xã cuôr knia, buôn đôn , đak lak	150.000	5	750.000		
475	Trần Thị Anh Thư	12B4		Ea Mđhar 1A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
476	Ngô Thị Kiều Trang	12B4	HN	Thôn 4, cuôr knia, buôn đôn, đaklak	150.000	5	750.000		
477	Nguyễn Thị Trâm	12B4		thôn 2 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
478	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12B4	CN	thôn 2 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
479	Nguyễn Thị Hồng Vân	12B4		Thôn 3 xã cuorknia huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
480	H' Uk Kbuôr	12B4	HN	buôn knia3 xã eabar buôn đôn Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
481	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12B5	HN	Thôn 10 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
482	Nguyễn Thị Đan Chi	12B5		Thôn 10 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
483	Triệu Anh Chính	12B5	HN	Thôn 5 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
484	Võ Thị Trúc Đào	12B5	HN	Thôn 5 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
485	Hồ Tiến Đạt	12B5	CN	Thôn 5 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
486	Đình Công Hiếu	12B5	HN	Thôn 4 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
487	Chung Việt Hoàn	12B5		Thôn 11 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
488	H' Jo Ra- Hwing	12B5	HN	Thôn 3 - Eabar - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
489	Võ Hoàng Khanh	12B5		Thôn 5 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
490	Hoàng Phương Linh	12B5	CN	Thôn 8 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
491	Nguyễn Mỹ Linh	12B5		Thôn 9 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
492	Cao Thị Linh	12B5	HN	Thôn 5 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
493	Nông Đình Mẫn	12B5	HN	Thôn 7 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
494	Hoàng Thị Yến Nhi	12B5	CN	Thôn 7 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
495	Mai Thị Kiều Oanh	12B5	HN	Thôn Sinh Mây - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
496	Dương Thị Ngọc Quỳnh	12B5	HN	Thôn 2 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
497	Nguyễn Văn Thành	12B5		Thôn Tân Phú - Ea Nuôl- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
498	Phạm Đức Thắng	12B5	CN	Thôn 3 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
499	Nguyễn Văn Thiện	12B5	HN	Thôn 10 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
500	Trương Bích Thủy	12B5		Thôn 5 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
501	Nông Ngọc Bảo Thy	12B5	HN	Buôn Eapri - Ea Wer - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
502	Đàm Đức Toàn	12B5	HN	Thôn 7 - Cuôr Knia - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
503	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	12B5	CN	Thôn An Phú - Ea Nuôl - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
504	Tư Đức Trường	12B5	CN	Thôn 2 - Tân Hòa - Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
505	Hứa Anh Tuấn	12B5	HN	Thôn 12 - Cuôr Knia- Buôn Đôn - Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

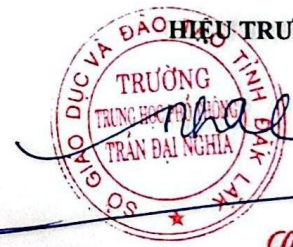
506	Hồ Viết Vững	12B5		Buôn Ea Mđhar 1A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
507	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12B5	HN	Thôn 10 Sinh Mây, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
508	La Thanh Duy	12B6	HN	Thôn 13, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
509	Nguyễn Thành Đạt	12B6		Thôn 6, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
510	Nguyễn Tiến Đạt	12B6	HN	Thôn 5, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
511	Huỳnh Văn Hà	12B6		Thôn 4, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
512	Lương Văn Hào	12B6	HN	Thôn 5, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
513	Đinh Thị Thúy Hằng	12B6		Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
514	Huỳnh Tiểu Hà	12B6		Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
515	Trịnh Trung Hiếu	12B6		Thôn 4, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
516	Hồ Quốc Hoà	12B6		Thôn 6, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
517	Hà Thị Huyền Linh	12B6	HN	Thôn 11, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
518	Triệu Xuân My	12B6	HN	Thôn 1, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
519	Võ Quang Linh	12B6	HN	Thôn 9, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
520	Lăng Thị Thu Nguyệt	12B6	HN	Thôn 7, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
521	Nguyễn Lê Tuyết Nhi	12B6		Thôn 6, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
522	Dương Thùy Phi	12B6	HN	Thôn 12, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
523	Vương Bình Phương	12B6	HN	Thôn Sinh Mây, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
524	Nguyễn Phúc Thắng	12B6		Thôn 6, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
525	Đào Thị Minh Thu	12B6		Thôn 4, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
526	Vũ Thị Thanh Thúy	12B6		Buôn Ko Đung A, EaNuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
527	Nông Thị Kim Thoa	12B6	HN	Thôn 7, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
528	Sầm Huy Tuấn	12B6	HN	Thôn Sinh Mây, CuôrKnia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
529	Lãnh Thị Thùy Uyên	12B6	HN	Thôn 3, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
530	Hoàng Thị Cẩm Tú	12B6		Thôn 2, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
531	Trần Văn Nam	12B6		Thôn 7, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
532	Nguyễn Hoài Dương	12B7	HN	thôn Ea Kning, xã cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
533	Hoàng Trần Tâm Đan	12B7	CN	thôn 5, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
534	Phan Thành Đạt	12B7	CN	Thôn 6, Xã Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
535	Phan Tấn Đạt	12B7	CN	Thôn 10, xã tân hoà, buôn đôn, tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
536	Nguyễn Hương Giang	12B7		Thôn 10,xã Tân hòa, Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
537	Nguyễn Lê Gia Hân	12B7	CN	thôn 5,xã cuôr knia, buôn đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

538	Triệu Thanh Hằng	12B7		Thôn 11, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
539	Nguyễn Thị Hoa	12B7	HN	Thôn 1,xã cuôr knia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
540	Cam Việt Hoàng	12B7	HN	Thôn 1,xã cuôr knia,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
541	Sầm Thanh Hùng	12B7		Thôn 11, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
542	Nguyễn Tuấn Kiệt	12B7		Thôn 2, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk	150.000	5	750.000		
543	Hoàng Thị Loan	12B7	HN	Thôn8, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
544	Hà Thị Nguyên	12B7	HN	Thôn 1, Tân Hoà, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
545	Nông Hiếu Nghiệp	12B7	CN	Thôn 7/Cuôr knia/Buôn Đôn/Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
546	Đàm Thị Tuyết Như	12B7	Không	Thôn 12, Cuôr-Knia, Buôn Đôn, Đak Lak	150.000	5	750.000		
547	Nguyễn Thị Thoa	12B7	không	Ea Mđhar 1A , Ea nuôl , Bôn Đôn, đắk lắk	150.000	5	750.000		
548	Hoàng Ngọc Anh Thư	12B7	HN	Thôn 5, Cuôrknia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
549	Nguyễn Anh Thư	12B7	không	Thôn 4, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
550	Triệu Quốc Tinh	12B7	Không	Thôn 2, Tân Hòa, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
551	Trần Thị Thu Thùy	12B7	không	ea Mđhar3 ea nuôl , buôn đôn , đắk lắk	150.000	5	750.000		
552	Đoàn Nông Anh Tú	12B7	Không	Thôn 11, Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
553	Nguyễn Thị Bích Vân	12B7	Không	Thôn 7,xã Tân hòa,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
554	Triệu Thị Hà Vi	12B7	HN	Thôn 11, xã Cuôrknia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
555	Nông Duy Anh	12B8		Thôn 4, xã Tân Hoà,huyện Buôn Đôn,tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
556	Vương Thị Hồng Ánh	12B8	CN	Thôn 8, xã Tân Hoà, huyện Bun Đun, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
557	Lương Thị Bích Châm	12B8	HN	thôn 8 , xã cuôr knia , huyện buôn đôn tỉnh đak lak	150.000	5	750.000		
558	Hoàng Thị Hà	12B8	CN	Thôn 7, xã Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
559	Hoàng Gia Hưng	12B8		Ea Mđhar 1A Ea Nuôl Buôn Đôn Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
560	Lục Thị Thúy Kiều	12B8	HN	Thôn 6, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk .	150.000	5	750.000		
561	Vi Hà Diệu Linh	12b8	HN	thôn 8 xã tân hoà huyện buôn đôn tỉnh đắk lắk	150.000	5	750.000		
562	Triệu Hữu Long	12B8	HN	Thôn 4, Xã Tân hoà, huyện buôn đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
563	Lê Đoàn Thuý Nga	12B8	HN	Thôn 3, xã Cuôr knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
564	Hoàng Bảo Ngọc	12B8		Ea Mđhar 1A, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
565	Đàm Thị Nhân	12B8	HN	Thôn 7, Xã Cuôr Knia, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
566	Phan Thị Kim Thảo	12B8	HN	Thôn 8,xã eabar,Buôn Đôn,Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
567	Lương Thị Diễm Trinh	12B8	HN	Thôn 10 Tân Hòa Buôn Đôn Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
568	Phan Tấn Trọng	12B8	HN	Thôn 1, xã, Cuôr knia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
569	Lê Văn Dũng	12B9		Thôn 5 Cuôrknia- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		

570	Nông Thị Đào	12B9	HN	Thôn 5 Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
571	Đàm Văn Hiếu	12B9	HN	Thôn 8 Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
572	Lý Thị Diệu Linh	12B9	CN	Thôn 12 Cuôknia- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
573	Nông Thị Hoàng Ly	12B9	HN	Thôn 3 Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
574	Vương Kiều Linh Nhi	12B9	HN	Thôn Sinh Mây-Cuôknia- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
575	Hoàng Thị Kim Oanh	12B9	CN	Thôn 3 Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
576	Lê Trường Qui	12B9	HN	Thôn 6 - Eabar- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
577	Lý Thị Như Quỳnh	12B9	HN	Thôn 2 xã Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
578	Trương Thị Thảo	12B9		Thôn 1 Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
579	Nông Thị Thu Thảo	12B9	HN	Thôn 7- Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
580	Lục Hồng Thắng	12B9		Thôn 12 Cuôknia- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
581	Lục Thị Thủy	12B9	HN	Thôn 5- Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
582	Triệu Anh Thư	12B9	CN	Thôn 11 Cuôknia- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
583	Phạm Anh Tuấn	12B9		Thôn 3- Xã Tân Hoà- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
584	Hứa Thị Ánh Tuyết	12B9	HN	Thôn 5 Tân Hòa- Buôn Đôn- Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
585	H Buýt B Rông	12B4	Mồ Côi	Buôn Knial, Buôn Đôn, Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
586	Tô Thành Đạt	10A10		Thôn 4- CuôKnia- Buôn Đôn Đắk Lắk	150.000	5	750.000		
587	Lương Thiên Thiên	11B5		Thôn 7, Tân Hoà, Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
588	Lưu Đức Trọng	11B4		Thôn 4, Tân Hoà, Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
589	Ngô Thị Yến Nhi	10A7		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
590	Trương Văn Thái	10A8		Thôn 4, Tân Hoà, Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
591	Nguyễn Thiện Dẫn	10A10		Thôn 4, Cuôr Knia, Buôn Đôn	150.000	5	750.000		
TỔNG CỘNG					87.600.000	2.920	443.250.000		

KẾ TOÁN

THỦ QUỸ

HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Nhất